

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2018/DS-PT

Ngày: 19/10/2018

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp hui.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 281/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1968; Địa chỉ: thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1967; Địa chỉ: huyện C, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2.2 Bà Võ Thị Yến P, sinh năm 1977; Địa chỉ: huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P là ông Trần Thanh H, sinh năm 1963; Địa chỉ: thành phố Tân An, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền số 2243, quyền số 01 TP/CC-SCC/HDGD ngày 05/7/2018) (có mặt).

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Ngọc T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Vào ngày 17/02/2016, ông T có vay của bà D số tiền là 150.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng. Để làm tin ông T có đưa cho Bà giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 20, tờ bản đồ số 09, diện tích 7.642m², tọa lạc tại huyện Châu Thành, Đồng Tháp để vay tiền. Sau khi vay ông T có đóng lãi được 1 tháng số tiền 9.000.000 đồng thì ngưng không đóng nữa. Sau đó ông T có thỏa thuận với bà D tham gia một dây hụi tháng 10.000.000đ x 20 phần do bà D làm chủ để hốt hụi và lấy tiền hốt hụi để trả nợ vay. Dây hụi này khai vào ngày 30/3/2016 âm lịch, ông T tham gia một phần và hốt lần thứ năm số tiền 130.000.000 đồng, số tiền này thỏa thuận trừ vào vốn vay 150.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng và phần 20.000.000 đồng này đã giải quyết hòa giải thành theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 151/2017/QĐST-DS ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, còn phần hụi từ khi khấu trừ đến nay ông T không đóng hụi chết cho bà, bà phải đóng thay, nhưng lúc thưa kiện tranh chấp hợp đồng vay 20.000.000đ và tiền hụi 130.000.000đ thì hụi chưa mãn nên bà D chưa khởi kiện phần tiền hụi. Nay hụi đã mãn bà đã đóng thay cho ông T 15 phần hụi chết x 10.000.000 đồng/phần = 150.000.000 đồng. Ngoài ra, bà Võ Thị P là bạn của ông T có làm ăn chung, có tham gia chung dây hụi này với ông T, bà P hốt lần thứ hai được số tiền 140.250.000 đồng, khi bà D giao tiền cho bà P nhận tiền hụi thì có ông T cùng đồng ý ký tên vào giấy nhận tiền hụi để cùng có trách nhiệm đóng hụi chết cho bà D, vì ông T có tài sản bà mới đồng ý cho bà P hốt hụi, dây hụi của bà P sau khi hốt, bà P có đóng hụi chết được 10 lần, với số tiền là 100.000.000đ thì ngưng không đóng nữa, bà phải đóng thay hụi cho bà P 8 lần hụi chết x 10.000.000đ/phần = 80.000.000đ.

Bà D tự nguyện trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án bà D có yêu cầu ông T và bà P liên đới trả cho bà D tiền nợ hụi tổng cộng 230.000.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa, bà D không yêu cầu bà P liên đới cùng ông T; mà yêu cầu ông T trả nợ hụi 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; yêu cầu bà P trả tiền hụi 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ông T thừa nhận ngày 17/02/2016 dương lịch có vay vốn của bà D số tiền là 150.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, ông T có đưa cho bà D giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thửa số 20, tờ bản đồ số 09, diện tích 7.642m², tọa lạc tại Châu Thành, Đồng Tháp, do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi vay ông T có đóng được 4 tháng tiền lãi với số tiền 36.000.000 đồng. Sau đó bà D có yêu cầu ông tham gia một dây hụi do bà D làm chủ để trừ vào số tiền vốn vay, ông T đồng ý và ông đã tham gia một phần hụi khai vào ngày 30/3/2016 âm lịch, gồm 20 phần, mỗi phần 10.000.000 đồng, để lấy tiền hốt hụi trả tiền vốn

vay, ông T hốt được 130.000.000 đồng trả vốn vay 150.000.000 đồng. Ông T còn nợ bà D số tiền vốn vay 20.000.000 đồng. Số tiền 20.000.000 đồng này đã được Tòa án hòa giải thành tại Quyết định số 151/2017/QĐST-DS ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, nhưng bà D không trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Đối với số tiền hui thì khi ông T hốt xong trừ vào tiền vay, thì trong dây hui này có bà Võ Thị P là bạn làm ăn chung với ông có tham gia riêng một phần hui nữa cũng chung dây hui với ông và bà P cũng đã hốt xong phần hui, nhưng sau khi hốt hui xong thì giữa bà D, ông T và bà P có thỏa thuận miệng với nhau là bà P sẽ đứng ra đóng hui chết cho dây hui của ông T và bà P; ba bên đã thống nhất số tiền hui chết phải đóng cho bà D tổng cộng là 300.000.000 đồng đến hui mãn là ngày 30/9/2017. Sau đó bà P có trả cho bà D được 7 lần với số tiền là 70.000.000 đồng thì ngưng không đóng nữa, hiện 2 phần hui này còn phải đóng cho bà D số tiền nợ hui là 230.000.000 đồng.

Do ba bên đã thỏa thuận bà P có trách nhiệm trả tiền nợ hui cho bà D. Do đó ông T không đồng ý trả tiền hui cho bà P. Ngoài ra, ông T yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải trả lại cho ông một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông T đã đưa cho bà D để vay tiền, thửa đất số 20, tờ bản đồ số 09, diện tích 7.642m² do ông T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất tọa lạc tại Châu Thành, Đồng Tháp.

- Ông Trần Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Võ Thị P trình bày: Bà P đồng ý số tiền nợ hui cho bà D 80.000.000 đồng; không đồng ý việc bà P trả nợ hui thay cho ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DS-ST ngày 19/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.
2. Buộc ông Nguyễn Ngọc T phải trả cho bà Nguyễn Thị D tiền nợ hui là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).
3. Buộc bà Võ Thị P phải trả cho bà Nguyễn Thị D tiền nợ hui là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị D mà ông Nguyễn Ngọc T và bà Võ Thị P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án với lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

4. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số A, tờ bản đồ số B, do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 10/11/2010 ông Nguyễn Ngọc T đứng tên cho ông Nguyễn Ngọc T.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Ngọc T phải nộp 7.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà Võ Thị P phải nộp 4.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị D được nhận lại số tiền 5.750.000đ theo biên lai thu số A ngày 06/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Ngày 20/7/2018, bị đơn ông Nguyễn Ngọc T kháng cáo chỉ đồng ý trả tiền nợ hui cho bà Nguyễn Thị D số tiền 80.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà P có tham gia 02 phần hui do bà D làm chủ hui. Do ông T nợ bà D số tiền vay 150.000.000 đồng, nên bà P đồng ý chuyển 01 phần hui của bà P cho ông T để ông T hốt hui trả nợ vay của bà D.

Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ông T trả cho bà 150.000.000 đồng tiền nợ hui, bà P trả cho bà 80.000.000 đồng tiền nợ hui.

+ Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông T thừa nhận giữa ông T và bà P là bạn. Bà P làm ăn thiếu vốn nên ông T vay tiền để đưa cho bà P nên bà P chuyển cho ông T 01 phần hui để ông T hốt hui trả tiền vay cho bà D, nên ông T thiếu tiền hui của bà D số tiền 150.000.000 đồng. Do ông T, bà P và bà D cùng thống nhất: Bà P phải chịu trách nhiệm cùng với ông T đối với số tiền nợ hui của bà D, nên ông T yêu cầu bà P cùng liên đới với ông T trả cho bà D số tiền hui 150.000.000 đồng.

+ Ông Trần Thanh H, đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị P trình bày: Bà P tham gia 02 phần hui trong đây hui thàng 10.000.000 đồng do bà D làm chủ hui, bà P đã chuyển 01 phần hui sang cho ông T để ông T hốt hui trả tiền nợ vay cho bà D. Bà P đã hốt hui ở lần thứ 2, số tiền 140.250.000 đồng, bà P đã đóng hui chết cho bà D 10 lần, số tiền 100.000.000 đồng, còn nợ tiền hui chết 10.000.000 đồng x 8 lần = 80.000.000 đồng, bà P thống nhất trả cho bà D số tiền 80.000.000 đồng. Ngoài ra, bà P cũng có thỏa thuận với bà D, ông T là bà P sẽ đóng tiền hui chết cùng với ông T cho bà D số tiền hui 150.000.000 đồng, nên bà P đồng ý liên đới với ông T trả tiền hui chết 150.000.000 đồng cho bà D.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm với các lý do sau: Tại phiên tòa, ông T cũng không xuất trình được chứng cứ gì để chứng minh là có sự thỏa thuận bà P sẽ cùng đóng tiền hui chết của ông T 150.000.000 đồng cho bà D.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T trình bày ông không ủy quyền cho ông H nữa. Đối với ông H trình bày ông H là người đại diện theo ủy quyền của bà P ở Tòa án các cấp, nhưng quyền lợi của ông T và bà P đang đối lập nhau nên việc ông là người đại diện theo ủy quyền của cả ông T, bà P sẽ không khách quan, nên tại phiên tòa phúc thẩm, ông T sẽ tự tham gia phiên tòa, ông H không còn là người đại diện theo ủy quyền của ông T. Xét thấy, yêu cầu của ông T và ông H là có căn cứ để chấp nhận, nên căn cứ điểm d khoản 3 Điều 140 Bộ Luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu chấm dứt là người đại diện theo ủy quyền của ông T đối với ông H.

[2] Xét kháng cáo của ông T yêu cầu bà P cùng có trách nhiệm liên đới với ông T trả nợ hui 150.000.000 đồng cho bà D là có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, tại phiên tòa phúc thẩm, ông T chứng minh việc liên đới trách nhiệm thể hiện tại giấy giao tiền hui bà D giao cho ông T có ghi nội dung: Người đồng chịu trách nhiệm là bà Võ Thị P. Đối với bà D cũng thừa nhận giấy giao tiền hui khi ông T hốt hui có nội dung người đồng chịu trách nhiệm Võ Thị P. Chứng cứ này cũng được ông H (đại diện theo ủy quyền của bà P) thừa nhận việc bà P phải chịu trách nhiệm đóng hui chết đối với phần hui mà ông T đã hốt hui và ông H cũng đồng ý bà P cùng liên đới chịu trách nhiệm với ông T trả tiền hui chết cho bà D 150.000.000 đồng.

Ngoài ra, tại đơn khởi kiện ban đầu, bà D cũng yêu cầu ông T liên đới với bà P trả tiền nợ hui cho bà D. Như vậy, căn cứ vào các chứng cứ được các đương sự thừa nhận có đủ cơ sở xác định: bà P có trách nhiệm liên đới với ông T đối với phần nợ hui 150.000.000 đồng của bà D. Do đó, chấp nhận kháng cáo của ông T. Sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm liên đới trả nợ. Ông T có trách nhiệm liên đới với bà P trả cho bà D 150.000.000 đồng tiền hui.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề **xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc ông T trả tiền nợ hui cho bà D số tiền 150.000.000 đồng, bà P trả tiền nợ hui cho bà D số tiền 80.000.000 đồng.** Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí sơ thẩm: Do bà P có trách nhiệm liên đới với ông T trả cho bà D

150.000.000 đồng nên bà P phải liên đới với ông T chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do Bản án sơ thẩm bị sửa, nên ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hộ, biên, phường; Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 148, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T.
- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 25/2018/DS-ST ngày 19/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.
2. Buộc ông Nguyễn Ngọc T liên đới với bà Võ Thị P trả cho bà Nguyễn Thị D tiền nợ hộ là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).
3. Buộc bà Võ Thị P trả cho bà Nguyễn Thị D tiền nợ hộ là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị D mà ông Nguyễn Ngọc T và bà Võ Thị P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án với lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

4. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị D trả lại cho ông Nguyễn Ngọc T Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 20, tờ bản đồ ...huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 10/11/2010 do ông Nguyễn Ngọc T đứng tên.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Ngọc T và bà Võ Thị P liên đới nộp 7.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà Võ Thị P phải nộp 4.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Nguyễn Thị D được nhận lại số tiền 5.750.000đ theo biên lai thu số 12462 ngày 06/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.
- Ông Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông T được nhận lại 300.000 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số BO/2014 03262 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh